

Số: 284/QĐ-BVĐK

Liên Bảo, ngày 06 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH¹

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng

Gói thầu: Gói thầu số 1: Thuốc generic

thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm thuốc giai đoạn năm 2026-2028

thuộc dự án/dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc giai đoạn năm 2026-2028

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TIỀN DU

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 (sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 395/QĐ-TTYYT ngày 07/11/2025 của Trung tâm y tế Tiên Du về việc phê duyệt danh mục, số lượng mua sắm thuốc thuộc dự toán mua sắm : Mua sắm thuốc giai đoạn năm 2026- 2028;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-TTYYT ngày 23/12/2025 của Trung tâm y tế Tiên Du về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc giai đoạn năm 2026-2028;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-BVĐK ngày 02/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa Tiên Du về việc phê duyệt sửa đổi kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc giai đoạn năm 2026-2028;

¹ Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành Quyết định được Hệ thống tự động điền khi Chủ đầu tư ký số Quyết định.

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-BVĐK ngày 06/01/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Tiên Du về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu Gói thầu 1: Thuốc generic, thuộc KHLCNT: Mua sắm thuốc giai đoạn năm 2026-2028, thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc giai đoạn năm 2026-2028;

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-HSDT ngày 30/03/2026 của Tổ chuyên gia đấu thầu;

Căn cứ kết quả đối chiếu tài liệu Gói thầu Gói thầu 1: Thuốc generic, thuộc KHLCNT: Mua sắm thuốc giai đoạn năm 2026-2028, thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc giai đoạn năm 2026-2028;

Căn cứ Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Gói thầu 1: Thuốc generic, thuộc KHLCNT: Mua sắm thuốc giai đoạn năm 2026-2028, thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc giai đoạn năm 2026-2028 ngày 06/04/2026 của Tổ thẩm định đấu thầu;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Gói thầu số 1: Thuốc generic thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm thuốc giai đoạn năm 2026-2028 thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc giai đoạn năm 2026-2028, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2500628767
- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Thuốc generic
- Giá gói thầu : 24.071.938.850 VND (Hai mươi tư tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi đồng.)
- Giá trúng thầu: 16.456.163.200 VND (Mười sáu tỷ, bốn trăm năm mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm đồng.)
- Tên Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Tiên Du
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng;
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Thời gian thực hiện Hợp đồng: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu

Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm

4. Thông tin về thuốc trúng thầu:

Chi tiết tại Phụ lục 3 đính kèm.

5. Thông tin các mã thuốc không lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:

Chi tiết tại phụ lục 4 đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Khoa Dược – VT – TBYT, Phòng TCKT và các cá nhân liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các khoa phòng thuộc Bệnh viện Đa khoa Tiên Du, các Nhà thầu trúng thầu và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Website Bệnh viện: Đăng tải;
- Lưu: VT, TCG, HST.

GIÁM ĐỐC

Lê Việt An

PHỤ LỤC 1: THÔNG TIN NHÀ THẦU TRÚNG THẦU

Gói thầu: Gói thầu số 1: Thuốc generic

Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc giai đoạn năm 2026-2028

(Kèm theo Quyết định số 284 /QĐ-BVĐK ngày 06/04/2026 của Bệnh viện Đa khoa Tiên Du)

STT	Mã phần (lô)	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có) (VND)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	PP2500621915	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH	0100531195	17.370.000	17.370.000	85	17.370.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
2	PP2500621916	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIAN	0102885697	76.000.000	76.000.000	86	76.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
3	PP2500621917	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	4.200.000	4.200.000	87	4.200.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
4	PP2500621918	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	0300470246	16.800.000	16.800.000	87	16.800.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
5	PP2500621919	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	0300470246	19.425.000	19.425.000	87	19.425.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

6	PP2500621920	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ BẮC NAM	0110385063	293.000.000	293.000.000	89	293.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
7	PP2500621921	CÔNG TY TNHH DƯỢC VIETAMERICAN	0106170629	34.000.000	34.000.000	85	34.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
8	PP2500621923	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	28.320.000	28.320.000	88	28.320.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
9	PP2500621924	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	2100274872	10.635.200	10.635.200	84	10.635.200	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
10	PP2500621926	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	63.000.000	63.000.000	84	63.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
11	PP2500621927	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	107.100.000	107.100.000	93	107.100.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
12	PP2500621928	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA	0106778456	180.000.000	180.000.000	88	180.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
13	PP2500621931	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	2100274872	16.160.000	16.160.000	84	16.160.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
14	PP2500621932	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	0102195615	10.920.000	10.920.000	85	10.920.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

15	PP2500621933	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	174.000.000	174.000.000	87	174.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
16	PP2500621935	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM	3700843113	78.900.000	78.900.000	84	78.900.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
17	PP2500621936	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	44.955.000	44.955.000	87	44.955.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
18	PP2500621938	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	149.610.000	149.610.000	92	149.610.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
19	PP2500621939	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	213.925.000	213.925.000	93	213.925.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
20	PP2500621940	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	129.500.000	129.500.000	90	129.500.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
21	PP2500621941	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	0600337774	35.245.000	35.245.000	86	35.245.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
22	PP2500621942	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	0600337774	277.050.000	277.050.000	86	277.050.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
23	PP2500621944	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	0600337774	206.250.000	206.250.000	86	206.250.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

24	PP2500621945	CÔNG TY TNHH DUỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH MINH	5000894839	125.000.000	125.000.000	84	125.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
25	PP2500621946	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM BA ĐÌNH	0100531195	182.100.000	182.100.000	85	182.100.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
26	PP2500621948	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM BA ĐÌNH	0100531195	52.400.000	52.400.000	87	52.400.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
27	PP2500621949	CÔNG TY CỔ PHẦN Y DUỢC TÂY DƯƠNG	0108352261	113.900.000	113.900.000	87	113.900.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
28	PP2500621950	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC HẬU GIANG	1800156801	7.500.000	7.500.000	89	7.500.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
29	PP2500621952	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM VIỆT HÙNG	0101273927	296.000.000	296.000.000	85	296.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
30	PP2500621953	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	157.500.000	157.500.000	87	157.500.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
31	PP2500621954	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM BA ĐÌNH	0100531195	16.800.000	16.800.000	85	16.800.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
32	PP2500621956	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC PHẨM FREMED	0314024996	29.520.000	29.520.000	85	29.520.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

33	PP2500621957	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC PHÚC	0107852007	129.150.000	129.150.000	86	129.150.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
34	PP2500621958	CÔNG TY CỔ PHẦN AFP GIA VŨ	0104628198	7.200.000	7.200.000	85	7.200.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
35	PP2500621960	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	0102195615	126.000.000	126.000.000	85	126.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
36	PP2500621961	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	189.000.000	189.000.000	86	189.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
37	PP2500621962	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	180.000.000	180.000.000	92	180.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
38	PP2500621963	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	105.000.000	105.000.000	83	105.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
39	PP2500621964	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	0300523385	174.950.000	174.950.000	86	174.950.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
40	PP2500621965	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	12.432.000	12.432.000	95	12.432.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

41	PP2500621966	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BIFACO	0105849418	84.420.000	84.420.000	86	84.420.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
42	PP2500621967	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	2100274872	31.580.000	31.580.000	85	31.580.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
43	PP2500621968	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUẬN AN PHÁT	0102712380	118.000.000	118.000.000	84	118.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
44	PP2500621969	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	0101400572	60.000.000	60.000.000	88	60.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
45	PP2500621971	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	0300470246	177.450.000	177.450.000	89	177.450.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
46	PP2500621973	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	103.950.000	103.950.000	93	103.950.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
47	PP2500621974	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	0600337774	3.944.000	3.944.000	86	3.944.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
48	PP2500621978	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	0303923529	41.400.000	41.400.000	90	41.400.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
49	PP2500621982	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂY ĐỨC	0106637021	430.220.000	430.220.000	82	430.220.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

50	PP2500621983	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED	0314024996	101.376.000	101.376.000	85	101.376.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
51	PP2500621984	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THỦY	0107742614	185.250.000	185.250.000	86	185.250.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
52	PP2500621985	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	15.750.000	15.750.000	87	15.750.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
53	PP2500621986	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED	0314024996	49.850.000	49.850.000	85	49.850.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
54	PP2500621987	CÔNG TY TNHH MTV LA TERRE FRANCE ID	0318177778	51.200.000	51.200.000	82	51.200.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
55	PP2500621988	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	0102195615	30.870.000	30.870.000	86	30.870.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
56	PP2500621989	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	56.500.000	56.500.000	85	56.500.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
57	PP2500621990	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIÊN MINH	0102000866	318.000.000	318.000.000	85	318.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

58	PP2500621991	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	28.000.000	28.000.000	92	28.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
59	PP2500621992	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÙNG THÀNH	0101843461	984.000.000	984.000.000	84	984.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
60	PP2500621993	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ THÀNH AN	0103606265	194.400.000	194.400.000	80	194.400.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
61	PP2500621995	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	2100274872	57.000.000	57.000.000	87	57.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
62	PP2500621996	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	106.557.000	106.557.000	93	106.557.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
63	PP2500621997	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	0303923529	18.400.000	18.400.000	88	18.400.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
64	PP2500621998	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED	0314024996	4.070.000	4.070.000	85	4.070.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
65	PP2500621999	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	20.217.600	20.217.600	87	20.217.600	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

66	PP2500622003	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	0102195615	159.600.000	159.600.000	85	159.600.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
67	PP2500622004	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	2500228415	1.740.000	1.740.000	87	1.740.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
68	PP2500622005	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	1.305.000	1.305.000	87	1.305.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
69	PP2500622008	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	0303923529	65.730.000	65.730.000	88	65.730.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
70	PP2500622009	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC PHÚC	0107852007	41.000.000	41.000.000	84	41.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
71	PP2500622010	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	225.000.000	225.000.000	88	225.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
72	PP2500622014	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINACARE	0102302539	499.800.000	499.800.000	87	499.800.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
73	PP2500622015	CÔNG TY TNHH DƯỢC VIETAMERICAN	0106170629	100.800.000	100.800.000	85	100.800.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
74	PP2500622017	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	1300382591	11.299.200	11.299.200	94	11.299.200	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

75	PP2500622018	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO	0100280537	24.035.000	24.035.000	94	24.035.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
76	PP2500622019	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	598.500.000	598.500.000	94	598.500.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
77	PP2500622020	CÔNG TY TNHH VACXIN SINH PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ PHƯƠNG ANH	0102325568	160.319.200	160.319.200	84	160.319.200	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
78	PP2500622021	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	0101400572	90.000.000	90.000.000	86	90.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
79	PP2500622022	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	20.400.000	20.400.000	86	20.400.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
80	PP2500622023	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	0300523385	262.800.000	262.800.000	83	262.800.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
81	PP2500622024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	333.000.000	333.000.000	86	333.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
82	PP2500622031	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH	0100531195	69.600.000	69.600.000	85	69.600.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

83	PP2500622032	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	2100274872	100.000.000	100.000.000	87	100.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
84	PP2500622033	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH	0100531195	184.000.000	184.000.000	85	184.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
85	PP2500622034	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH	0100531195	121.800.000	121.800.000	85	121.800.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
86	PP2500622035	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	2.610.000	2.610.000	87	2.610.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
87	PP2500622037	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	3.360.000	3.360.000	87	3.360.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
88	PP2500622039	CÔNG TY TNHH NOVOPHARM	0106915180	30.600.000	30.600.000	85	30.600.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
89	PP2500622040	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ KHÁNH ĐÀN	0109891354	83.790.000	83.790.000	90	83.790.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
90	PP2500622042	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	77.760.000	77.760.000	93	77.760.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

91	PP2500622043	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA	0104752195	52.200.000	52.200.000	85	52.200.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
92	PP2500622044	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	13.230.000	13.230.000	88	13.230.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
93	PP2500622045	CÔNG TY TNHH DƯỢC VIETAMERICAN	0106170629	34.000.000	34.000.000	86	34.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
94	PP2500622046	CÔNG TY CỔ PHẦN VINPHARM	0109788942	282.000.000	282.000.000	87	282.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
95	PP2500622047	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VIỆT TÍN	0106706733	520.000.000	520.000.000	84	520.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
96	PP2500622048	CÔNG TY TNHH DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH MINH	5000894839	316.000.000	316.000.000	84	316.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
97	PP2500622049	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA	0104752195	128.000.000	128.000.000	85	128.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
98	PP2500622051	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA	0104752195	46.125.000	46.125.000	85	46.125.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

99	PP2500622052	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	2100274872	26.600.000	26.600.000	89	26.600.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
100	PP2500622053	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	0300470246	36.750.000	36.750.000	89	36.750.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
101	PP2500622054	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	66.000.000	66.000.000	88	66.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
102	PP2500622056	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	11.900.000	11.900.000	87	11.900.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
103	PP2500622058	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	15.120.000	15.120.000	87	15.120.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
104	PP2500622059	CÔNG TY CỔ PHẦN VINPHARM	0109788942	13.600.000	13.600.000	85	13.600.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
105	PP2500622060	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	0600337774	35.880.000	35.880.000	86	35.880.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
106	PP2500622061	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC PHÚC	0107852007	9.750.000	9.750.000	85	9.750.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
107	PP2500622062	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	0800011018	2.600.000	2.600.000	87	2.600.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

108	PP2500622065	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	0101400572	117.000.000	117.000.000	87	117.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
109	PP2500622067	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	0101400572	55.500.000	55.500.000	87	55.500.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
110	PP2500622070	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	37.500.000	37.500.000	92	37.500.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
111	PP2500622071	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	0800011018	16.800.000	16.800.000	86	16.800.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
112	PP2500622073	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	18.400.000	18.400.000	93	18.400.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
113	PP2500622074	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	89.754.000	89.754.000	95	89.754.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
114	PP2500622075	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM	3700843113	27.960.000	27.960.000	84	27.960.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
115	PP2500622076	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM TRƯỜNG MINH	0105361557	60.500.000	60.500.000	91	60.500.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

116	PP2500622078	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	29.550.000	29.550.000	87	29.550.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
117	PP2500622079	CÔNG TY TNHH DƯỢC VIETAMERICAN	0106170629	192.000.000	192.000.000	86	192.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
118	PP2500622080	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	77.600.000	77.600.000	88	77.600.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
119	PP2500622081	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	54.400.000	54.400.000	89	54.400.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
120	PP2500622082	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	10.800.000	10.800.000	87	10.800.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
121	PP2500622083	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	158.136.000	158.136.000	95	158.136.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
122	PP2500622084	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	234.000.000	234.000.000	93	234.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
123	PP2500622085	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	71.520.000	71.520.000	93	71.520.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

124	PP2500622087	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÁCH LINH	0107763798	180.000.000	180.000.000	88	180.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
125	PP2500622089	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	2.500.000	2.500.000	87	2.500.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
126	PP2500622091	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	7.190.000	7.190.000	93	7.190.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
127	PP2500622092	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	0102195615	12.936.000	12.936.000	85	12.936.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
128	PP2500622094	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	65.000.000	65.000.000	92	65.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
129	PP2500622096	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	123.675.000	123.675.000	83	123.675.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
130	PP2500622098	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG LINH	0101370222	37.600.000	37.600.000	93	37.600.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
131	PP2500622101	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED	0314024996	287.280.000	287.280.000	85	287.280.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

132	PP2500622102	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	0300470246	10.500.000	10.500.000	87	10.500.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
133	PP2500622105	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	1300382591	49.350.000	49.350.000	93	49.350.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
134	PP2500622107	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	0300470246	20.601.000	20.601.000	87	20.601.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
135	PP2500622108	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	0102195615	18.900.000	18.900.000	84	18.900.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
136	PP2500622109	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	60.000.000	60.000.000	95	60.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
137	PP2500622110	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	119.000.000	119.000.000	86	119.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
138	PP2500622111	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	0102195615	756.000.000	756.000.000	87	756.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
139	PP2500622112	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	2100274872	96.000.000	96.000.000	86	96.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

140	PP2500622114	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	227.493.000	227.493.000	87	227.493.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
141	PP2500622115	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	44.820.000	44.820.000	93	44.820.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
142	PP2500622116	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	52.500.000	52.500.000	93	52.500.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
143	PP2500622117	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	0600337774	5.800.000	5.800.000	86	5.800.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
144	PP2500622119	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	2.700.000	2.700.000	87	2.700.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
145	PP2500622120	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÁCH GIA	0108536050	28.000.000	28.000.000	91	28.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
146	PP2500622121	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	78.000.000	78.000.000	88	78.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
147	PP2500622122	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	2100274872	180.000.000	180.000.000	89	180.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
148	PP2500622123	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SIVI	0303923529	125.700.000	125.700.000	90	125.700.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

149	PP2500622124	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	54.100.000	54.100.000	95	54.100.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
150	PP2500622125	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	1.350.000	1.350.000	92	1.350.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
151	PP2500622126	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH	0100531195	121.800.000	121.800.000	84	121.800.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
152	PP2500622127	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BHC VIỆT NAM	3502487590	73.900.000	73.900.000	82	73.900.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
153	PP2500622128	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ KHÁNH ĐÀN	0109891354	94.483.000	94.483.000	90	94.483.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
154	PP2500622130	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	1.560.000	1.560.000	87	1.560.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
155	PP2500622131	CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV THẮNG LONG	0102897124	12.600.000	12.600.000	93	12.600.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
156	PP2500622133	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM	3700843113	11.580.000	11.580.000	84	11.580.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
Tổng: 156 mặt hàng				16.456.163.200	16.456.163.200		16.456.163.200			

PHỤ LỤC 2: THÔNG TIN NHÀ THẦU KHÔNG TRÚNG THẦU

Gói thầu: Gói thầu số 1: Thuốc generic

Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc giai đoạn năm 2026-2028

(Kèm theo Quyết định số 284/QĐ-BVĐK ngày 06/04/2026 của Bệnh viện Đa khoa Tiên Du)

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	PP2500621989	Nhà thầu không xếp hạng 1
2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	PP2500622120	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
3	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH	0100531195	PP2500621918	Nhà thầu không xếp hạng 1
4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH	0100531195	PP2500621932	Nhà thầu không xếp hạng 1
5	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH	0100531195	PP2500621985	Nhà thầu không xếp hạng 1
6	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH	0100531195	PP2500621995	Nhà thầu không xếp hạng 1
7	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH	0100531195	PP2500622032	Nhà thầu không xếp hạng 1
8	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH	0100531195	PP2500622055	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
9	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH	0100531195	PP2500622127	Nhà thầu không xếp hạng 1
10	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH	0100531195	PP2500622132	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
11	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĂN LAM	0102159060	PP2500622091	Nhà thầu không xếp hạng 1

12	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIAN	0102885697	PP2500622086	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
13	CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV THẮNG LONG	0102897124	PP2500622088	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
14	CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV THẮNG LONG	0102897124	PP2500622099	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
15	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	PP2500622018	Nhà thầu không xếp hạng 1
16	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	PP2500622040	Nhà thầu không xếp hạng 1
17	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	PP2500622043	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
18	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	PP2500622066	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
19	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	PP2500622069	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
20	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SÔNG NHUỆ	0104739902	PP2500622097	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
21	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA	0104752195	PP2500622037	Nhà thầu không xếp hạng 1
22	CÔNG TY TNHH DƯỢC VIETAMERICAN	0106170629	PP2500622075	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
23	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA	0106778456	PP2500621989	Nhà thầu không xếp hạng 1
24	CÔNG TY CỔ PHẦN FARGO VIỆT NAM	0108817051	PP2500621989	Nhà thầu không xếp hạng 1
25	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MINH SƠN PHACO	0108857907	PP2500621943	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
26	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ LIFECARE	0109856582	PP2500621935	Nhà thầu không xếp hạng 1

27	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ KHÁNH ĐÀN	0109891354	PP2500622072	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
28	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ KHÁNH ĐÀN	0109891354	PP2500622118	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
29	CÔNG TY CỔ PHẦN WINBIO	0110764921	PP2500622020	Nhà thầu không xếp hạng 1
30	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	0300470246	PP2500621941	Nhà thầu không xếp hạng 1
31	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	0300470246	PP2500621942	Nhà thầu không xếp hạng 1
32	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	PP2500621928	Nhà thầu không xếp hạng 1
33	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	PP2500621956	Nhà thầu không xếp hạng 1
34	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	PP2500621962	Nhà thầu không xếp hạng 1
35	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	PP2500621993	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
36	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	PP2500621997	Nhà thầu không xếp hạng 1
37	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	PP2500621999	Nhà thầu không xếp hạng 1
38	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	PP2500622026	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
39	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	PP2500622027	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
40	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	PP2500622028	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
41	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	PP2500622054	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt

42	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	0301140748	PP2500622121	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
43	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	0303923529	PP2500621956	Nhà thầu không xếp hạng 1
44	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	0303923529	PP2500621998	Nhà thầu không xếp hạng 1
45	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	0309829522	PP2500621956	Nhà thầu không xếp hạng 1
46	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI LIÊN KẾT QUỐC TẾ	0310349425	PP2500621935	Nhà thầu không xếp hạng 1
47	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD	0312460161	PP2500621983	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
48	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD	0312460161	PP2500622010	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
49	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD	0312460161	PP2500622013	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
50	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD	0312460161	PP2500622028	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
51	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD	0312460161	PP2500622101	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
52	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED	0314024996	PP2500621923	Nhà thầu không xếp hạng 1
53	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED	0314024996	PP2500621997	Nhà thầu không xếp hạng 1
54	CÔNG TY TNHH MTV LA TERRE FRANCE ID	0318177778	PP2500621990	E-HSDT không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (Về dạng bào chế)
55	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	PP2500621977	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
56	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	PP2500622078	Nhà thầu không xếp hạng 1

57	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	0400102091	PP2500622133	E-HSDT không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (Về nhóm thuốc)
58	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY	0500391400	PP2500621980	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
59	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	0600337774	PP2500622062	Nhà thầu không xếp hạng 1
60	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	0600337774	PP2500622107	Nhà thầu không xếp hạng 1
61	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	0800011018	PP2500621924	Nhà thầu không xếp hạng 1
62	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	0800011018	PP2500622004	Nhà thầu không xếp hạng 1
63	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	1300382591	PP2500621933	Nhà thầu không xếp hạng 1
64	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	PP2500621954	Nhà thầu không xếp hạng 1
65	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	PP2500621995	Nhà thầu không xếp hạng 1
66	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	PP2500622032	Nhà thầu không xếp hạng 1
67	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	PP2500622126	Nhà thầu không xếp hạng 1
68	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	PP2500621986	Nhà thầu không xếp hạng 1
69	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	PP2500621998	Nhà thầu không xếp hạng 1
70	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1800156801	PP2500622133	Nhà thầu không xếp hạng 1
71	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	2100274872	PP2500621919	Nhà thầu không xếp hạng 1

72	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	2100274872	PP2500621971	Nhà thầu không xếp hạng 1
73	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	2100274872	PP2500622053	Nhà thầu không xếp hạng 1
74	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	PP2500621917	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
75	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	PP2500622114	Nhà thầu không xếp hạng 1
76	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BHC VIỆT NAM	3502487590	PP2500621951	Vượt giá gói thầu đã phê duyệt
77	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BHC VIỆT NAM	3502487590	PP2500622126	Nhà thầu không xếp hạng 1
78	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	PP2500621944	Nhà thầu không xếp hạng 1
79	CÔNG TY TNHH DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH MINH	5000894839	PP2500621987	Nhà thầu không xếp hạng 1
80	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO	000019802	PP2500622009	Nhà thầu không xếp hạng 1
Tổng: 80 mặt hàng				

PHỤ LỤC 3

DANH SÁCH CHI TIẾT MẶT HÀNG, GIÁ TRÚNG THẦU, NHÀ THẦU TRÚNG THẦU

Gói thầu: Gói thầu số 1: Thuốc generic

Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc giai đoạn năm 2026-2028

(Kèm Quyết định số 284 /QĐ-BVĐK ngày 06/04/2026 của Bệnh viện Đa khoa Tiên Du)

STT	Mã phần (Lô)	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKL H hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự thầu	Thành tiền	Tên nhà thầu dự thầu
1	PP25 0062 1915	G1. 01	Arbosen 50	Acarbose	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110 380724	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	30.000	579,0	17.370.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH
2	PP25 0062 1916	G1. 02	Haduca rbo 100	Acarbose	100mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893110 092225	Nhà máy HDPharma EU – Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Viên	20.000	3.800,0	76.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIAN
3	PP25 0062 1917	G1. 03	AZEN MARO L 1	Acenocumarol	1mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110 257623	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	30.000	140,0	4.200.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

4	PP25 0062 1918	G1. 04	Acetylcy stein 200mg	Acetylcy steine	200mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 20 vi x 10 viên	4	36 tháng	893100 682124	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha	Việt Nam	Viên	100.000	168,0	16.800.0 00	CÔNG TY CÓ PHẦN DUỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA
5	PP25 0062 1919	G1. 05	Acetylcy stein 200mg	Acetylcy stein	200mg	Uống	Thuốc bột	Hộp 20 gói x 1g Hộp 100 gói x 1g	4	36 tháng	VD- 35554- 22	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha	Việt Nam	Gói	50.000	388,5	19.425.0 00	CÔNG TY CÓ PHẦN DUỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA
6	PP25 0062 1920	G1. 06	Camzit ol	Acid acetylsali cyclic	100mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vi x 10 viên	1	24 tháng	VN- 22015- 19	Medinfar Manufacturin g S.A.	Bồ Đào Nha	Viên	100.000	2.930,0	293.000. 000	CÔNG TY CÓ PHẦN Y TẾ BẮC NAM
7	PP25 0062 1921	G1. 07	Aspirin Stella 81 mg	Aspirin	81mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 2 vi x 28 viên	2	24 tháng	893110 337023	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	100.000	340,0	34.000.0 00	CÔNG TY TNHH DUỢC VIETAMERI CAN
8	PP25 0062 1923	G1. 09	Medski n clovir 200	Acyclovi r	200mg	uống	viên nén	hộp 5 vi x 10 viên	2	36 tháng	893110 270123	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên	40.000	708,0	28.320.0 00	CÔNG TY CÓ PHẦN DUỢC HẬU GIANG
9	PP25 0062 1924	G1. 10	Acyclo vir 5%	Acyclovi r	250mg/ 5g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 5 g	4	24 tháng	893100 489724	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Việt Nam	Tuýp	3.400	3.128,0	10.635.2 00	CÔNG TY CÓ PHẦN DUỢC PHẨM TV.PHARM

10	PP25 0062 1926	G1. 12	Amipar en 10%	Mỗi 200ml dung dịch chứa: L- Tyrosine ; L- Aspartic Acid; L- Glutamic Acid; L- Cysteine; L- Methioni ne; L- Serine ; L- Histidine ; L- Proline; L- Threonin e; L- Phenylal anine; L- Isoleucin e; L- Valine ; - L- Alanine; L- Arginine ; L- Leucine; Glycine; L-Lysine Acetate (tương đương L- Lysine) ; L- Tryptoph an	0,1g; 0,2g; 0,2g; 0,2g; 0,78g; 0,6g;1g ; 1g; 1,14g; 1,4g; 1,6g; 1,6g; 1,6g; 2,1g; 2,8g; 1,18g; 2,96 (2,1)g; 0,4g; 200ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 20 túi x 200ml	4	24 tháng	893110 453623	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Túi	1.000	63.000, 0	63.000.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
----	----------------------	-----------	------------------	--	---	--------------------------------	--	----------------------------	---	-------------	------------------	--	-------------	-----	-------	--------------	----------------	--

11	PP25 0062 1927	G1. 13	Nephro steril	L- Alanin, L- Arginin , Amino- acetic acid (Glycin), L- Histidin, L- Isoleucin , L- Leucin, L-Lysin monoace tat (tương đương L- Lysin), L- Methioni n, L- Phenylal anin, L- Prolin, L-Serin, L- Threonin , L- Tryptoph an, L- Valin, Acetylcy stein (tương đương L- Cystein), L-Malic acid, Acid acetic (acid acetic bằng)	L- Alanin 1,575g, L- Arginin 1,225g, Amino- acetic acid (Glycin) 0,80g, L- Histidin 1,075g, L- Isoleuci n 1,275g, L- Leucin 2,575g, L-Lysin monoac etat 2,5025g (tương đương 1,775g L- Lysin), L- Methio nin 0,70g, L- Phenyla lanin 0,95g, L- Prolin 1,075g, L-Serin 1,125g, L- Threoni	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 10 chai 250ml	1	36 tháng	VN- 17948- 14	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Chai	1.050	102.000 ,0	107.100. 000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC LIỆU TW2
----	----------------------	-----------	------------------	--	---	--	--------------------------------	---------------------------	---	-------------	---------------------	-----------------------------------	----	------	-------	---------------	-----------------	---

					n 1,20g, L- Tryptop han 0,475g, L-Valin 1,55g, Acetylc ystein 0,125g (tương đương 0,0925g L- Cystein) , L- Malic acid 0,375g, Acid acetic 99% (acid acetic bằng) 0,345g													
12	PP25 0062 1928	G1. 14	Prolufo	Alfuzosi n hydrochl oride	10mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng chậm	Hộp 3 vi x 10 viên	2	36 tháng	VN- 23223- 22	Gracure Pharmaceutica ls Ltd.	Ấn Độ	Viên	30.000	6.000,0	180.000. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA
13	PP25 0062 1931	G1. 17	Alphac hymotr ypsin	Chymotr ypsin	4,2mg	Uống	Viên nén	Hộp 50 vi x 10 viên	4	24 tháng	893110 074200	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Việt Nam	Viên	160.000	101,0	16.160.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC PHẨM TV.PHARM
14	PP25 0062 1932	G1. 18	Mezav erin 120 mg	Alverin citrat	120mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 6 vi x 10 viên	4	36 tháng	893110 290700	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	20.000	546,0	10.920.0 00	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM TÂN AN

15	PP25 0062 1933	G1. 19	Ambro xol	Ambrox ol HCl	0,3 % (kl/tt); 60ml	Uống	Siro	Hộp 1 chai x 60ml	4	36 tháng	893100 138324	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Chai	20.000	8.700,0	174.000. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
16	PP25 0062 1935	G1. 21	Ambro xol Hydroc lorid 30mg	Ambrox ol hydroclo rid	30mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	2	24 tháng	893100 236625	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Viên	100.000	789,0	78.900.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM
17	PP25 0062 1936	G1. 22	Vinpha cine 250	Amikaci n (dưới dạng Amikaci n sulfat)	250mg/ 2ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	Hộp 1 vi x 10 ống x 2ml	4	36 tháng	893110 448324	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	9.000	4.995,0	44.955.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
18	PP25 0062 1938	G1. 24	Natrixa m 1.5mg/ 5mg	Indapami de, Amlodip ine (dưới dạng Amlodip ine besilate)	1,5mg; 5mg	Uống	Viên nén giải phóng kiềm soát	Hộp 6 vi x 5 viên	1	24 tháng	300110 029823	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	30.000	4.987,0	149.610. 000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2
19	PP25 0062 1939	G1. 25	Triplix am 5mg/1. 25mg/5 mg	Perindop ril Arginine ; Indapami de; Amlodip ine (dưới dạng Amlodip ine besylate)	5mg; 1,25mg ; 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ x 30 viên	1	36 tháng	VN3- 11-17	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ailen	Viên	25.000	8.557,0	213.925. 000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2

20	PP25 0062 1940	G1. 26	Klame ntin 500/62. 5	Acid clavulani c (dưới dạng kali clavulan at & silicon dioxyd); Amoxicil in (dưới dạng amoxicili n trihydrat)	62,5mg + 500mg	uống	thuốc cốm pha hỗn dịch uống	hộp 24 gói x 2g	3	36 tháng	893110 129325	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược pharm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	gói	35.000	3.700,0	129.500. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
21	PP25 0062 1941	G1. 27	Amoxi cilin/A cid clavula nic 250/31, 25	Amoxicil in + Acid clavulani c	250mg + 31,25m g	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 1,5g	4	24 tháng	VD- 22488- 15	Công ty Cổ phần Dược pharm Minh Dân	Việt Nam	Gói	35.000	1.007,0	35.245.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM MINH DÂN
22	PP25 0062 1942	G1. 28	Midant in 875/12 5	Amoxicil in (dưới dạng amoxicili n trihydrat) + Acid clavulani c (dưới dạng kali clavulan at + avicel (1 :1))	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 2 vi x 7 viên	4	24 tháng	893110 391824	Công ty Cổ phần Dược pharm Minh Dân	Việt Nam	Viên	150.000	1.847,0	277.050. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM MINH DÂN

23	PP25 0062 1944	G1. 30	Amoxi cilin/ Acid clavula nic 2g/0,2g	Amoxicil in + Acid clavulani c (dạng hỗn hợp vô khuẩn chứa Amoxicil in natri và Kali clavulan at)	2g + 0,2g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	4	24 tháng	893110 463525	Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	Lọ	5.000	41.250, 0	206.250. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN
24	PP25 0062 1945	G1. 31	Atorva statin 10mg	Atorvast atin (dưới dạng Atorvast atin calci trihydrat)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	3	36 tháng	VD- 35559- 22	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	Viên	500.000	250,0	125.000. 000	CÔNG TY TNHH DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH MINH
25	PP25 0062 1946	G1. 32	Ezensta tin 10/10	Atorvast atin (dưới dạng Atorvast atin calci) + Ezetimib e	10mg + 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vi x 7 viên	4	36 tháng	893110 015500	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	300.000	607,0	182.100. 000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH
26	PP25 0062 1948	G1. 34	Agitro 500	Azithro mycin (dưới dạng Azithro mycin dihydrat)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi, 2 vi x 3 viên	3	36 tháng	893110 130925 (VD- 34102- 20)	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	20.000	2.620,0	52.400.0 00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH

27	PP25 0062 1949	G1. 35	Quafa- Azi 500mg	Azithro mycin (dưới dạng Azithro mycin dihydrat)	500mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vi x 10 viên	3	36 tháng	893110 816324	Công ty Cổ phần Dược phẩm Quảng Binh	Việt Nam	Viên	20.000	5.695,0	113.900. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC TÂY DUƠNG
28	PP25 0062 1950	G1. 36	Zaroma x 100	Azithro mycin (dưới dạng Azithro mycin dihydrat)	100 mg	uống	thuốc bột pha hỗn dịch uống	hộp 24 gói x 0,75g	3	36 tháng	893110 202800	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	gói	5.000	1.500,0	7.500.00 0	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
29	PP25 0062 1952	G1. 38	Biosubt yl-II	Bacillus subtilis	10.000. 000 - 100.000 .000 CFU/25 0mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	4	36 tháng	QLSP- 856-15	Công ty Cổ phần Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	Viên	200.000	1.480,0	296.000. 000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT HÙNG
30	PP25 0062 1953	G1. 39	Domuv ar	Bacillus subtilis	2 x 10 ⁹ CFU/5 ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 4 vi x 10 ống nhựa x 5ml/ống	4	36 tháng	893400 090523	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	30.000	5.250,0	157.500. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
31	PP25 0062 1954	G1. 40	Baburo l	Bambute rol hydroclo rid	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi, 2 vi, 4 vi, 6 vi, 10 vi, 12 vi, 15 vi, 20 vi x 10 viên	4	36 tháng	893110 380824	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	60.000	280,0	16.800.0 00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH

32	PP25 0062 1956	G1. 42	Leriser c	Betahisti ne dihydroc hloride	16mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	2	36 tháng	893110 242625	Công ty Cổ phần Dược phẩm Fremed	Việt Nam	Viên	90.000	328,0	29.520.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED
33	PP25 0062 1957	G1. 43	Asbeso ne	Betamet hasone (dưới dạng Betamet hasone dipropio nate)	15mg/3 0g	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp 30g	2	36 tháng	531110 007624	Replek Farm Ltd. Skopje	Mace donia	Tuýp	2.100	61.500, 0	129.150. 000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC PHÚC
34	PP25 0062 1958	G1. 44	Lobeta sol	Betamet hason dipropio nat + Clotrima zol	(6,4mg + 100mg) /10g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp x 10g	4	36 tháng	893110 037100	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	Tuýp	480	15.000, 0	7.200.00 0	CÔNG TY CỔ PHẦN AFP GIA VŨ
35	PP25 0062 1960	G1. 46	Agi- Bromh exine 16	Bromhex in hydroclo rid	16mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	4	36 tháng	893110 200724	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	200.000	630,0	126.000. 000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN
36	PP25 0062 1961	G1. 47	Zenson id	Budesoni d	0,5mg/ 2ml	Khí dung	Hỗn dịch dùng cho khí dung	Hộp 2 vi x 5 Lọ x 2ml, nhựa	4	24 tháng	893110 281923	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	15.000	12.600, 0	189.000. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

37	PP25 0062 1962	G1. 48	Budeso nide Teva 0,5mg/ 2ml	Budesoni de	0,5mg/ 2ml	Đường hô hấp	Hỗn dịch khí dung	Hộp 30 ống 2ml	1	24 tháng	500110 399623	Norton Healthcare Limited T/A Ivax Pharmaceutica ls UK	Anh	Ông	15.000	12.000, 0	180.000. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
38	PP25 0062 1963	G1. 49	Fortrag et Inhaler 200mc g+6mc g	Mỗi liều hít chứa Budesoni de 200mcg; Formoter ol fumarat dihydrat 6mcg	(200mc g+6mcg)liều x 120 liều	Dạng hít	Thuốc phun mù hệ hỗn dịch để hít qua đường miệng	Hộp 1 bình xịt 120 liều	5	24 tháng	VN- 22022- 19	Getz Pharma (Pvt) Ltd	Pakis tan	Bình	700	150.000 ,0	105.000. 000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
39	PP25 0062 1964	G1. 50	Calciu m STELL A 500 mg	Calci (dưới dạng Calci lactat gluconat + Calci carbonat)	500mg (2940m g +300m g)	Uống	Viên nén sủi bột	Hộp 1 tuýp x 20 viên	2	36 tháng	893100 095424	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	50.000	3.499,0	174.950. 000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN
40	PP25 0062 1965	G1. 51	Durato cin	Carbetoc in	100mcg /1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 lọ x 1ml	1	36 tháng	VN- 19945- 16	Cơ sở sản xuất: Ferring GmbH; Cơ sở đóng gói: Ferring International Center SA	Cơ sở sản xuất: Đức; Cơ sở đóng gói: Thụy Sĩ	Lọ	48	259.000 ,0	12.432.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
41	PP25 0062 1966	G1. 52	Firstlex in	Cephalex in	250mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói x 1,5g	3	24 tháng	VD- 15813- 11	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Gói	30.000	2.814,0	84.420.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BIFACO

42	PP25 0062 1967	G1. 53	Cefdinir 125mg	Cefdinir	125mg	Uống	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 1,5g	4	36 tháng	VD- 28775- 18	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Việt Nam	Gói	20.000	1.579,0	31.580.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
43	PP25 0062 1968	G1. 54	Bactirid 100mg/ 5ml dry suspension	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	100mg/ 5ml; 40ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 1 lọ bột pha 40ml hỗn dịch uống	3	24 Tháng	VN- 20148- 16	Medicraft Pharmaceuticals (Pvt) Ltd	Pakistan	Lọ	2.000	59.000, 0	118.000. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUẬN AN PHÁT
44	PP25 0062 1969	G1. 55	Cebest	Cefpodoxime (dưới dạng Cefpodoxime proxetil)	50mg/1 ,5g	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 1,5g	3	30 tháng	893110 151925 (VD- 28340- 17)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Gói	10.000	6.000,0	60.000.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP
45	PP25 0062 1971	G1. 57	Cefuroxim 500mg	Cefuroxime (dưới dạng cefuroxime axetil)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 02 vi x 05 viên Hộp 10 vi x 10 viên	3	36 tháng	893110 682924	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha	Việt Nam	Viên	100.000	1.774,5	177.450. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA
46	PP25 0062 1973	G1. 59	Gliatilin	Choline Alfoscerate	1000mg /4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống 4ml	1	60 tháng	VN- 13244- 11	Italfarmaco S.P.A	Ý	Ống	1.500	69.300, 0	103.950. 000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2
47	PP25 0062 1974	G1. 60	Ciprofloxacin 0,3%	Ciprofloxacin (dùng dạng ciprofloxacin hydroclorid)	15mg/5 ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Hộp 20 lọ x 5ml	4	24 tháng	893115 292000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	Lọ	2.000	1.972,0	3.944.00 0	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN

48	PP25 0062 1978	G1. 64	Dogrel SaVi	Clopidog rel (dưới dạng clopidog rel bisulfat)	75mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	3	36 tháng	893110 393724	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	viên	50.000	828,0	41.400.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI
49	PP25 0062 1982	G1. 68	Hornol	Cytidin monopho sphot disodium + uridin monopho sphot disodium	5mg + 3mg	Uống	Viên nang	Hộp 3 vi x 10 viên	2	36 tháng	VD- 16719- 12	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	98.000	4.390,0	430.220. 000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂY ĐỨC
50	PP25 0062 1983	G1. 69	Flozin med 10	Dapaglifl ozin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi hoặc 10 vi x 10 viên	2	36 tháng	893110 461525	Công ty Cổ phần Dược phẩm Fremed	Việt Nam	Viên	48.000	2.112,0	101.376. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED
51	PP25 0062 1984	G1. 70	Desbeb e	Deslorat adin	30mg/ 60ml	Uống	Si rô	Hộp 1 lọ 60ml	2	36 tháng	890100 444425 (VN- 20422- 17)	Gracure Pharmaceutica ls Ltd	India	Lọ	3.000	61.750, 0	185.250. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THỦY
52	PP25 0062 1985	G1. 71	Veltaro n	Diclofen ac natri	100mg	Đặt hậu môn	Viên đạn đặt trực tràng	Hộp 2 vi x 5 viên	4	36 tháng	893110 208623	Công ty Cổ phần Dược- Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Viên	3.000	5.250,0	15.750.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)
53	PP25 0062 1986	G1. 72	Tidilon	Diosmin + hesperi din	450mg + 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	2	36 tháng	893100 215623	Công ty Cổ phần Dược phẩm Fremed	Việt Nam	Viên	50.000	997,0	49.850.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED

54	PP25 0062 1987	G1. 73	Diosce	Diosmin + hesperidi n	450mg +50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	4	36 tháng	893100 399825	CÔNG TY TNHH MTV DUỢC PHẨM LA TERRE FRANCE	Việt Nam	Viên	80.000	640,0	51.200.0 00	CÔNG TY TNHH MTV LA TERRE FRANCE ID
55	PP25 0062 1988	G1. 74	Drotus c Forte	Drotaver in hydrochl orid	80mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	3	36 tháng	893110 024600	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	30.000	1.029,0	30.870.0 00	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM TÂN AN
56	PP25 0062 1989	G1. 75	DUTA STERI DE SOFT GELA TIN CAPS ULES 0.5 MG	Dutasteri de	0,5mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 3 vi x 10 viên	2	24 tháng	890110 428625	Softgel Healthcare Private Limited	India	Viên	10.000	5.650,0	56.500.0 00	CÔNG TY CÔ PHẦN GONSA
57	PP25 0062 1990	G1. 76	Zondor il 5	Enalapril maleat	5mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	4	36 tháng	893110 069100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	600.000	530,0	318.000. 000	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM THIÊN MINH
58	PP25 0062 1991	G1. 77	Gemap axane	Enoxapa rin natri	4000IU /0,4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm đồng sắc 0,4ml	1	24 tháng	800410 092123	Italfarmaco S.p.A	Ý	Bơm tiêm	400	70.000, 0	28.000.0 00	CÔNG TY CÔ PHẦN DUỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
59	PP25 0062 1992	G1. 78	Nanoki ne 2000 IU	Recombi nant Human Erythrop oietin alfa	2000 IU/ 1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 1ml	4	24 tháng	QLSP- 920-16	Công ty cổ phần công nghệ sinh học Dược Nanogen	Việt Nam	Lọ	8.000	123.000 ,0	984.000. 000	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HUNG THÀNH
60	PP25 0062 1993	G1. 79	RELIP OREX 2000IU	Recombi nant Human Erythrop oietin Alfa	2000IU /0,5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đồng sắc x 0,5ml	5	24 tháng	890410 176200	Reliance Life Sciences Pvt.Ltd	Ấn Độ	Bơm tiêm	3.000	64.800, 0	194.400. 000	CÔNG TY CÔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ

																		QUỐC TẾ THÀNH AN
61	PP25 0062 1995	G1. 81	TV.Fen ofibrat	Fenofibr at	200mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	4	36 tháng	893110 333900	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	150.000	380,0	57.000.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
62	PP25 0062 1996	G1. 82	Berodu al	Ipratropi um bromide khan + Fenotero l hydrobro mide	(250mc g/ml + 500mcg /ml); 20ml	Khí dung	Dung dịch khí dung	Hộp 1 lọ 20ml	2	36 tháng	VN- 22997- 22	Istituto de Angeli S.R.L	Ý	Lọ	1.100	96.870, 0	106.557. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
63	PP25 0062 1997	G1. 83	Fexodi nefast 180	Fexofena din hydrochl orid	180mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	2	36 tháng	893100 029700	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	viên	20.000	920,0	18.400.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI
64	PP25 0062 1998	G1. 84	Fatelm ed 60	Fexofena dine hydrochl oride	60mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	2	36 tháng	VD- 36005- 22	Công ty Cổ phần Dược phẩm Fremed	Việt Nam	Viên	10.000	407,0	4.070.00 0	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED
65	PP25 0062 1999	G1. 85	Flucon azol 150	Fluconaz ol	150mg	uống	viên nang cứng	hộp 1 vi x 1 viên	2	24 tháng	893110 013000	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên	4.320	4.680,0	20.217.6 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
66	PP25 0062 2003	G1. 89	Fluvast atin DWP 10mg	Fluvastat in (dưới dạng Fluvastat in natri)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	4	36 tháng	893110 130423	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	Viên	100.000	1.596,0	159.600. 000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN
67	PP25 0062 2004	G1. 90	Vinzix	Furosemi d	20mg/2 ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vi x 10 ống x 2ml	4	36 tháng	893110 305923	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	3.000	580,0	1.740.00 0	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC

																		PHẨM VĨNH PHÚC
68	PP25 0062 2005	G1. 91	AGIFU ROS	Furosemi d	40mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 25 viên	4	36 tháng	893110 255223	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	15.000	87,0	1.305.00 0	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPH ARM
69	PP25 0062 2008	G1. 94	Savispi rono- Plus	Furosemi d + spironola cton	20mg+ 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 10 viên	2	36 tháng	VD- 21895- 14	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	70.000	939,0	65.730.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI
70	PP25 0062 2009	G1. 95	Fucort meyer Cream	Acid fusidic + Hydroco rtison acetat	2% + 1%; 10g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 10g	4	24 tháng	893110 106225	Công ty Liên doanh Meyer- BPC	Việt Nam	Tuýp	1.000	41.000, 0	41.000.0 00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC PHÚC
71	PP25 0062 2010	G1. 96	Clazic SR	Gliclazid e	30mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 10 vi x 10 viên	2	36 tháng	893110 624024	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Viên	500.000	450,0	225.000. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIỆT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
72	PP25 0062 2014	G1. 100	Comiar yl 2mg/50 0mg	Glimepir id + metformi n hydroclo rid	2mg + 500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 03 vi, Hộp 10 vi x 10 viên	3	36 tháng	893110 617124	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	200.000	2.499,0	499.800. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINACARE
73	PP25 0062 2015	G1. 101	Vorifen d 500	Glucosa min sulfat (dưới dạng glucosa min sulfat kali clorid tương	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	2	24 tháng	893100 421724	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	72.000	1.400,0	100.800. 000	CÔNG TY TNHH DƯỢC VIETAMERI CAN

				đương 392,6mg glucosa min base)														
74	PP25 0062 2017	G1. 103	Trinitri na	Nitrogly cerin	5mg/1, 5ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc đề tiêm truyền	Hộp 10 ống x 1,5ml	1	60 tháng	800110 021524 (VN- 21228- 18)	Fisiopharma SRL	Ý	Ống	240	47.080, 0	11.299.2 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHẨM BẾN TRE
75	PP25 0062 2018	G1. 104	Grani- Denk 1mg/ml	Granisetr on (dưới dạng Granisetr on hydrochl oride)	1mg/ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm hoặc truyền	Hộp 5 ống x 1ml	1	36 tháng	400110 352124	Solupharm Pharmazeutisc he Erzeugnisse GmbH	Đức	ống	1.000	24.035, 0	24.035.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHẨM THIÊN THẢO
76	PP25 0062 2019	G1. 105	Hepari n Sodium Panpha rma 5000 IU/ml	Heparin natri	5000IU /ml; 5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 25 lọ x 5ml	1	60 tháng	400410 303124	Panpharma GmbH	Đức	Lọ	3.000	199.500 ,0	598.500. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
77	PP25 0062 2020	G1. 106	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	Globulin kháng độc tố uốn ván	1500 đvqt	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống, hai vi x 1500 đvqt	4	24 tháng	893410 250823	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Ống	4.600	34.852, 0	160.319. 200	CÔNG TY TNHH VACXIN SINH PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ PHƯƠNG ANH
78	PP25 0062 2021	G1. 107	Syseye	Hydroxy propyl methylce llulose	0,3% (w/v) - Lọ 15ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 15ml	4	24 tháng	893100 182624 (VD- 25905- 16)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	3.000	30.000, 0	90.000.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP

79	PP25 0062 2022	G1. 108	Vinbuf en	Ibuprofe n	100mg/ 5ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 5ml	4	24 tháng	893100 232524	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Gói	12.000	1.700,0	20.400.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
80	PP25 0062 2023	G1. 109	Glaritu s	Insulin Glargine	300IU/ 3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bút tiêm đóng sẵn ống tiêm x 3ml	5	36 tháng	890410 091623	Wockhardt Limited	Ấn Độ	Bút tiêm	1.200	219.000 ,0	262.800. 000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN
81	PP25 0062 2024	G1. 110	Insuno va -G Pen	Insulin Glargine (rDNA origin)	100IU/ ml; 3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 1 bút tiêm nạp sẵn chứa 3ml dung dịch thuốc	2	36 tháng	QLSP- 907-15	Biocon Biologics Limited	India	Bút tiêm	1.500	222.000 ,0	333.000. 000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
82	PP25 0062 2031	G1. 117	Ihybes 150	Irbesarta n	150mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	4	36 tháng	VD- 23489- 15	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	200.000	348,0	69.600.0 00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH
83	PP25 0062 2032	G1. 118	Irbesart an HCT 150/12. 5mg	Hydrochl orothiazid e; Irbesarta n	12,5mg + 150mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x vi 10 viên; Hộp 20 vi x vi 10 viên	4	36 tháng	893110 280224	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	200.000	500,0	100.000. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
84	PP25 0062 2033	G1. 119	Ivagim 5	Ivabradi n (dưới dạng ivabradin hydroclo rid 5,39mg)	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi, 4 vi, 6 vi, 8 vi, 10 vi x 14 viên	4	36 tháng	VD- 35991- 22	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	200.000	920,0	184.000. 000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH

85	PP25 0062 2034	G1. 120	Ivagim 7,5	Ivabradin (dưới dạng ivabradin hydroclorid 8,085mg)	7,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi, 4 vi, 6 vi, 8 vi, 10 vi x 14 viên	4	36 tháng	VD-35992-22	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	100.000	1.218,0	121.800.000	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM BA ĐÌNH
86	PP25 0062 2035	G1. 121	Kali clorid 500mg Vinphaco	Kali clorid	500mg/5ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Hộp 10 vi x 5 ống x 5ml	4	36 tháng	893110360125 (VD-25325-16)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	3.000	870,0	2.610.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC PHẨM VĨNH PHÚC
87	PP25 0062 2037	G1. 123	Bipp Zinc powder	Kẽm gluconat (tương đương kẽm 10mg)	70mg	uống	thuốc cốm pha hỗn dịch uống	hộp 24 gói x 1,5g	4	36 tháng	893100198224	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	gói	4.000	840,0	3.360.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC HẬU GIANG
88	PP25 0062 2039	G1. 125	Ketofen-Drop	Ketotifen (dưới dạng Ketotifen fumarat)	0,05% (w/v); 3ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 ống x 3ml	4	48 tháng	893110880124	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	1.200	25.500,0	30.600.000	CÔNG TY TNHH NOVOPHARM
89	PP25 0062 2040	G1. 126	Laevalac	Lactulose	10g/15ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 20 gói 15ml	1	24 tháng	900100522324	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áustria	Gói	15.000	5.586,0	83.790.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DUỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ KHÁNH ĐÀM
90	PP25 0062 2042	G1. 128	Berlithrox 100	Levothyroxine sodium	0,1mg	Uống	Viên nén	Hộp 4 vi x 25 viên	1	36 tháng	400110179525	Berlin-Chemie AG (Cơ sở đóng gói và xuất	Đức	Viên	108.000	720,0	77.760.000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH

											xưởng: Berlin- Chemie AG)							VIÊN DƯỢC LIỆU TW2
91	PP25 0062 2043	G1. 129	Thyrobo erg 100	Levothyro xin natri	100mcg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	2	24 tháng	890110 012423	Steril-Gene Life Sciences (P) Ltd.	India	Viên	100.000	522,0	52.200.0 00	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA
92	PP25 0062 2044	G1. 130	Clanozo	Loratadi n	10mg	uống	viên nén	hộp 10 vi x 10 viên	2	36 tháng	893100 040623	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên	70.000	189,0	13.230.0 00	CÔNG TY CÓ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
93	PP25 0062 2045	G1. 131	Lorasta d 10 Tab.	Loratadi ne	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vi x 10 viên	3	60 tháng	893100 462624	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	40.000	850,0	34.000.0 00	CÔNG TY TNHH DƯỢC VIETAMERI CAN
94	PP25 0062 2046	G1. 132	Pyzaca r 50 mg	Losartan kali	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 15 viên	3	36 tháng	VD- 26431- 17	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	300.000	940,0	282.000. 000	CÔNG TY CÓ PHẦN VINPHARM
95	PP25 0062 2047	G1. 133	Troysar AM	Losartan kali + Amlodip ine (dưới dạng Amlodip ine besilate)	50mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	3	24 tháng	VN- 23093- 22	Troikaa Pharmaceutica ls Ltd.	Ấn Độ	Viên	100.000	5.200,0	520.000. 000	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VIỆT TÍN
96	PP25 0062 2048	G1. 134	Trimaf ort	Magnesi hydroxy d + Nhôm hydroxy d + Simethic on	800,4m g + 612mg + 80mg	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 10ml	2	36 tháng	880100 084223	Daewoong Pharmaceutica l Co., Ltd	Hàn Quốc	Gói	80.000	3.950,0	316.000. 000	CÔNG TY TNHH DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH MINH

97	PP25 0062 2049	G1. 135	Alusi	Magnesi trisilicat + Nhôm hydroxid khô	500mg + 250mg	Uống/ Nhai	Viên nén nhai	Lọ 30 viên	4	36 tháng	893100 856024 (VD- 32566- 19)	Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	Việt Nam	Viên	80.000	1.600,0	128.000. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA
98	PP25 0062 2051	G1. 137	Reumo kam	Meloxica m	15mg/1 ,5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 1,5ml	2	24 tháng	482110 442823	Farmak JSC	Ukrai ne	Ống	2.500	18.450, 0	46.125.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA
99	PP25 0062 2052	G1. 138	Melom ax 15mg	Meloxica m	15mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	3	36 tháng	893110 294400	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	70.000	380,0	26.600.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
100	PP25 0062 2053	G1. 139	Gludip ha 500	Metform in hydrochl oride	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 5 vi x 10 viên	3	36 tháng	893110 602124	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha	Việt Nam	Viên	250.000	147,0	36.750.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA
101	PP25 0062 2054	G1. 140	Medlon 4	Methylpr ednisolo n	4mg	uống	viên nén	hộp 10 vi x 10 viên	2	36 tháng	VD- 21783- 14	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên	150.000	440,0	66.000.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
102	PP25 0062 2056	G1. 142	Metron idazol	Metronid azol	250mg	Uống	Viên nén	Hộp 50 vi x 10 viên	4	36 tháng	893115 304223	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên	100.000	119,0	11.900.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
103	PP25 0062 2058	G1. 144	Metron idazol 250	Metronid azol	250mg	uống	viên nén	hộp 10 vi x 10 viên	2	24 tháng	893115 309724	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên	60.000	252,0	15.120.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

104	PP25 0062 2059	G1. 145	Mifeto ne 200 mcg	Misopros tol	200 mcg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	4	36 tháng	893110 156325 (VD- 33218- 19)	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	4.000	3.400,0	13.600.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN VINPHARM
105	PP25 0062 2060	G1. 146	Moxifl oxacin 400mg/ 250ml	Moxiflox acin (dưới dạng Moxiflox acin hydroclo rid)	400mg/ 250ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ x 250ml	4	24 tháng	893115 740624	Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	Lọ	1.200	29.900, 0	35.880.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN
106	PP25 0062 2061	G1. 147	Epirozi n-Xepa Ointme nt 2% w/w	Mupiroci n	2% x 5g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	Hộp 1 tuýp 5g	2	24 tháng	955100 438625	Xepa-Soul Pattinson (Malaysia) Sdn. Bhd.	Mala ysia	Tuýp	260	37.500, 0	9.750.00 0	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC PHÚC
107	PP25 0062 2062	G1. 148	Natri Clorid 0,9%	Natri clorid	0,9%/1 0ml	Nhỏ mắt, mũi	Dung dịch thuốc nhỏ mắt, mũi	Hộp 50 lọ 10ml	4	36 tháng	893100 901924	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Lọ	2.000	1.300,0	2.600.00 0	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG
108	PP25 0062 2065	G1. 151	Vitol	Natri hyaluron at	0,18% (w/v) - Lọ 12ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 12ml	4	36 tháng	893110 454524 (VD- 28352- 17)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	3.000	39.000, 0	117.000. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP

109	PP25 0062 2067	G1. 153	Mepoly	Mỗi 10ml chứa: Dexamet hason (dưới dạng dexamet hason natri phosphat); Neomyci n (dưới dạng neomyci n sulfat); Polymyx in B sulfat	(10mg; 35mg; 100.000 IU)/10 ml	Nhỏ mắt, mũi, tai	Dung dịch nhỏ mắt, mũi, tai	Hộp 1 lọ x 10ml	4	36 tháng	893110 420024 (VD- 21973- 14)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	1.500	37.000, 0	55.500.0 00	CÔNG TY CÔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP
110	PP25 0062 2070	G1. 156	Nicardi pine Aguett ant 10mg/1 0ml	Nicardipi n hydrochl orid	10mg/1 0ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 10ml	1	24 tháng	300110 029523	Laboratoire Aguettant	Pháp	Ống	300	125.000 ,0	37.500.0 00	CÔNG TY CÔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
111	PP25 0062 2071	G1. 157	Hadudi pin	Nicardipi n HCl	10mg/1 0ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 10ml	4	24 tháng	893110 107200	Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Ống	200	84.000, 0	16.800.0 00	CÔNG TY CÔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG
112	PP25 0062 2073	G1. 159	Ondans etron Kabi 2mg/ml	Ondanset ron (dưới dạng Ondanset ron hydroclo rid dihydrat)	8mg/4 ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 4ml	1	48 tháng	560110 519224	Labesfal - Laboratórios Almiro, S.A	Bồ Đào Nha	Ống	1.000	18.400, 0	18.400.0 00	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2

113	PP25 0062 2074	G1. 160	Tamifl u	Oseltami vir (dưới dạng oseltami vir phosphat)	75mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vi x 10 viên	1	48 tháng	800110 994624	CSSX: Delpharm Milano S.r.l; đóng gói và xuất xưởng: F. Hoffmann-La Roche Ltd.	CSS X: Ý; Đóng gói và xuất xưởng: Thụy Sỹ	Viên	2.000	44.877, 0	89.754.0 00	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2
114	PP25 0062 2075	G1. 161	Oselta mivir 75 mg	Oseltami vir (tương ứng 98,50mg oseltami vir phosphat) 75mg	75mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vi x 10 viên	2	24 tháng	893110 118900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Viên	2.000	13.980, 0	27.960.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM
115	PP25 0062 2076	G1. 162	Oxytoc in injectio n BP 10 Units	Oxytocin	10IU/m l	Tiêm/ Tiêm truyền	Dung dịch tiêm/ truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 1 ml	1	36 tháng	400114 074223	Panpharma GmbH	Đức	ống	5.500	11.000, 0	60.500.0 00	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM TRƯỜNG MINH
116	PP25 0062 2078	G1. 164	Paparin	Papaveri n hydroclo rid	40mg/2 ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vi x 10 ống x 2ml	4	36 tháng	893110 375423	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	15.000	1.970,0	29.550.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
117	PP25 0062 2079	G1. 165	Partam ol Tab.	Paraceta mol	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	1	60 tháng	893100 156725	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	400.000	480,0	192.000. 000	CÔNG TY TNHH DƯỢC VIETAMERI CAN
118	PP25 0062 2080	G1. 166	Hapaco l Caplet 500	Acetami nophen (Paraceta mol)	500mg	uống	viên nén	hộp 10 vi x 10 viên	2	36 tháng	VD- 20564- 14	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược	Việt Nam	viên	400.000	194,0	77.600.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

												phẩm DHG tại Hậu Giang						
119	PP25 0062 2081	G1. 167	Hapaco l 150	Paraceta mol	150mg	uống	thuốc bột sủi bột	hộp 24 gói x 0,9g	3	36 tháng	893100 040923	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	gói	80.000	680,0	54.400.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
120	PP25 0062 2082	G1. 168	AGIM OL 150	Paraceta mol	150mg	Uống	Thuốc cốm	Hộp 10 gói, 30 gói, 24 gói x 1g	4	36 tháng	893100 702224	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Gói	40.000	270,0	10.800.0 00	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPH ARM
121	PP25 0062 2083	G1. 169	Viacor am 7mg/5 mg	Perindop ril arginine; Amlodip ine (tương ứng với 6,935mg Amlodip ine besylate)	7mg; 5mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ x 30 viên	1	36 tháng	VN3- 47-18	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ailen	Viên	24.000	6.589,0	158.136. 000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2
122	PP25 0062 2084	G1. 170	Covers yl Plus Arginin e 5mg/1. 25mg	Perindop ril arginine (tương ứng với 3,395mg perindop ril); Indapami de	5 mg; 1,25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 30 viên	1	36 tháng	VN- 18353- 14	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	36.000	6.500,0	234.000. 000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2

123	PP25 0062 2085	G1. 171	Viacor am 3.5mg/ 2.5mg	Perindop ril arginine; Amlodip ine (dưới dạng amlodipi ne besilate) 2,5 mg	3,5 mg; 2,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ x 30 viên	1	36 tháng	VN3- 46-18	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ailen	Viên	12.000	5.960,0	71.520.0 00	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC LIỆU TW2
124	PP25 0062 2087	G1. 173	VT- Amlopr il	Perindop ril tert- butylami n (tương đương Perindop ril 3,34mg) + Amlodip in (dưới dạng Amlodip in besilate)	4mg + 5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	2	36 tháng	VN- 22963- 21	USV Private Limited	India	Viên	50.000	3.600,0	180.000. 000	CÔNG TY CÓ PHẦN ĐƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÁCH LINH
125	PP25 0062 2089	G1. 175	Vinphy ton 1mg	Phytome nasion (Vitamin K1)	1mg/1 ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vi x 10 ống x 1ml	4	36 tháng	893110 712324	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	2.000	1.250,0	2.500.00 0	CÔNG TY CÓ PHẦN ĐƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
126	PP25 0062 2091	G1. 177	Luteina 100mg	Progester one	100mg	Đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo	Hộp 2 vi x 15 viên nén đặt âm đạo, Hộp 4 vi x 15 viên nén đặt âm đạo	1	36 tháng	VN- 22989- 21	Adamed Pharma S.A	Ba Lan	Viên	1.000	7.190,0	7.190.00 0	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC

127	PP25 0062 2092	G1. 178	Propylthiouracil DWP 100mg	Propylthiouracil	100mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110 286724	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	Viên	17.600	735,0	12.936.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN
128	PP25 0062 2094	G1. 180	NORM AGUT	Men Saccharomyces boulardii đông khô	Ít nhất 2,5x10 ⁹ tế bào/250 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	24 tháng	QLSP-823-14	Ardeypharm GmbH	Germany	Viên	10.000	6.500,0	65.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
129	PP25 0062 2096	G1. 182	FORAIR 250	Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate); Fluticasone propionate	25mcg; 250mcg	Hít qua đường miệng	Thuốc xịt phun mù	Hộp 1 bình xịt 120 liều	5	24 tháng	890110 083523	Zyklus Lifesciences Limited	India	Bình	1.500	82.450,0	123.675.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
130	PP25 0062 2098	G1. 184	Ferrovion	Iron Hydroxide sucrose complex tương đương với Iron (III) 100mg/5 ml	100mg /5ml	Tiêm tĩnh mạch	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 1 vỉ x 5 ống x 5ml	1	24 tháng	VN-18143-14	Rafarm S.A.	Hy Lạp	Ống	400	94.000,0	37.600.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG LINH
131	PP25 0062 2101	G1. 187	Simaltrin 100	Sitagliptin	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893110 939924	Công ty Cổ phần Dược phẩm Fremed	Việt Nam	viên	144.000	1.995,0	287.280.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED
132	PP25 0062 2102	G1. 188	Sorbitol 15g	Sorbitol	5g	Uống	Thuốc bột pha	Hộp 25 gói x 5g	4	36 tháng	893100 685724	Công ty cổ phần dược	Việt Nam	Gói	20.000	525,0	10.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC

							dung dịch uống					phẩm Trung ương Vidipha						PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA
133	PP25 0062 2105	G1. 191	Verosp iron	Spironol actone	50mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	1	60 tháng	VN- 19163- 15	Gedeon Richter Plc	Hung ary	Viên	10.000	4.935,0	49.350.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHẨM BẾN TRÈ
134	PP25 0062 2107	G1. 193	Vicom etrim 480	Sulfamet hoxazol + Trimetho prim	400mg + 80mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	4	36 tháng	893110 685924	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha	Việt Nam	Viên	90.000	228,9	20.601.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA
135	PP25 0062 2108	G1. 194	Trimex azol	Sulfamet hoxazol + trimetho prim	(200mg + 40mg)/ 5ml; 60ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai 60ml	4	24 tháng	893110 594924	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Chai	1.000	18.900, 0	18.900.0 00	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM TÂN AN
136	PP25 0062 2109	G1. 195	FLOEZ Y	Tamsulo sin hydrochl oride	0,4 mg	Uống	Viên nén phồng thích kéo dài	Hộp 3 vi x 10 viên	1	36 tháng	840110 031023	Synthon Hispania, SL	Spain	Viên	5.000	12.000, 0	60.000.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
137	PP25 0062 2110	G1. 196	Xalgetz 0.4mg	Tamsulo sin HCl	0,4mg	Uống	Viên nang	Hộp 1 vi x 10 viên	3	36 tháng	VN- 11880- 11	Getz Pharma (Pvt) Ltd	Pakis tan	Viên	35.000	3.400,0	119.000. 000	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
138	PP25 0062 2111	G1. 197	Mibetel HCT	Telmisar tan + Hydroclo rothiazid	40mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	3	36 tháng	893110 409524	Công ty TNHH Liên doanh HASAN- DERMAPHA RM	Việt Nam	Viên	200.000	3.780,0	756.000. 000	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM TÂN AN

139	PP25 0062 2112	G1. 198	Telmis artan HCT 40/12.5 mg	Hydrochl orothiaz ide; Telmisar tan	12,5mg + 40mg	Uống	Viên nén	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	4	24 tháng	893110 333800	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	300.000	320,0	96.000.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
140	PP25 0062 2114	G1. 200	Telis in 0,2 mg/ml	Terlipres sin acetat	0,2mg/ ml; 5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 Lọ x 5 ml	4	36 tháng	893110 233123	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	500	454.986 ,0	227.493. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
141	PP25 0062 2115	G1. 201	Thyro zol 10mg	Thiamaz ole	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	1	24 tháng	400110 190423	Merck Healthcare KGaA	Đức	Viên	20.000	2.241,0	44.820.0 00	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2
142	PP25 0062 2116	G1. 202	Tobrin 0.3%	Tobramy cin	3mg/ml (0.3%); 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	1	36 tháng	VN- 20366- 17	Balkanpharma Razgrad AD	Bulga ria	Lọ	1.500	35.000, 0	52.500.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIỆT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
143	PP25 0062 2117	G1. 203	Tobra mycin 0,3%	Tobramy cin (dạng Tobramy cin sulfat)	15mg/ 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Hộp 20 lọ x 5ml	4	24 tháng	893110 668324	Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	Lọ	2.000	2.900,0	5.800.00 0	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN
144	PP25 0062 2119	G1. 205	Cammi c	Acid tranexam ic	250 mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 vi x 5 ống x 5ml	4	36 tháng	893110 306123	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	2.500	1.080,0	2.700.00 0	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
145	PP25 0062 2120	G1. 206	Mextro pol	Trimebut ine maleate	100mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 6 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	1	36 tháng	590110 776324	Polfarmex S.A.	Polan d	Viên	10.000	2.800,0	28.000.0 00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÁCH GIA

146	PP25 0062 2121	G1. 207	Vastec	Trimetaz idin dihydroc lorid	20mg	uống	viên nén bao phim	hộp 2 vi x 30 viên	2	36 tháng	VD- 20584- 14	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên	300.000	260,0	78.000.0 00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
147	PP25 0062 2122	G1. 208	Vartel 20mg	Trimetaz idin.2HC l	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 30 viên	3	36 tháng	893110 073324	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	300.000	600,0	180.000. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
148	PP25 0062 2123	G1. 209	SaVi Trimet azidine 35MR	Trimetaz idin dihydroc lorid	35mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Hộp 3 vi x 10 viên	2	36 tháng	893110 543124	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	viên	300.000	419,0	125.700. 000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI
149	PP25 0062 2124	G1. 210	Vastare l OD 80mg	Trimetaz idin dihydroc hloride	80mg	Uống	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Hộp 3 vi x 10 viên	1	36 tháng	VN3- 389-22	Egis Pharmaceutica ls PLC	Hung ary	Viên	10.000	5.410,0	54.100.0 00	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2
150	PP25 0062 2125	G1. 211	Mydrin -P	Tropica mid + Phenylep hrin hydroclo rid	50mg/1 0ml + 50mg/1 0ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 10ml	1	30 tháng	499110 415423	Santen Pharmaceutica l Co., Ltd., Nhà máy Shiga	Nhật	Lọ	20	67.500, 0	1.350.00 0	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TÊ HÀ NỘI
151	PP25 0062 2126	G1. 212	Valsgi m 80	Valsarta n	80mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 14 viên	4	24 tháng	893110 146024	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	200.000	609,0	121.800. 000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH

152	PP25 0062 2127	G1. 213	Tronist at 80/12.5 mg	Valsarta n; Hydrochl orothiazid e	80mg; 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	4	36 tháng	VD- 36062- 22	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	Viên	100.000	739,0	73.900.0 00	CÔNG TY CÓ PHẦN DUỐC PHẨM BHC VIỆT NAM
153	PP25 0062 2128	G1. 214	Voxin	Vancom ycin (dưới dạng Vancom ycin hydrochl orid)	1g	Tiêm truyền	Bột đông khô để pha dung dịch truyền	Hộp 1 lọ	1	24 tháng	520115 991224	Vianex S.A.- Plant C'	Greec e	Lọ	1.000	94.483, 0	94.483.0 00	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DUỐC VÀ VẬT TƯ Y TẾ KHÁNH ĐÀNG
154	PP25 0062 2130	G1. 216	Vitami n B1	Thiamin hydroclo rid	100mg/ 1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 100 ống x 1ml	4	36 tháng	893110 448724	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	2.000	780,0	1.560.00 0	CÔNG TY CÓ PHẦN DUỐC PHẨM VĨNH PHÚC
155	PP25 0062 2131	G1. 217	Milga mma N	Thiamin e hydrochl oride + Pyridoxi ne hydrochl oride + Cyanoco balamin	100mg + 100mg + 1mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 2ml	1	36 tháng	400100 083323	Solupharm Pharmazeutisc he Erzeugnisse GmbH	Germ any	Ống	600	21.000, 0	12.600.0 00	CÔNG TY CÓ PHẦN TMDV THĂNG LONG
156	PP25 0062 2133	G1. 219	Magne sium/ Vitami n B6	Magnesi lactat dihydrat; Pyridoxi n hydroclo rid	470mg; 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	2	24 tháng	893100 059125	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Viên	20.000	579,0	11.580.0 00	CÔNG TY CÓ PHẦN DUỐC PHẨM BOSTON VIỆT NAM
Tổng: 156 mặt hàng																	16.456.1 63.200	

PHỤ LỤC 4. DANH SÁCH CÁC MÃ PHẦN LÔ KHÔNG LỰA CHỌN ĐƯỢC NHÀ THẦU TRÚNG THẦU

Gói thầu: Gói thầu số 1: Thuốc generic

Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc giai đoạn năm 2026-2028

(Kèm Quyết định số 284 /QĐ-BVĐK ngày 06/04/2026 của Bệnh viện Đa khoa Tiên Du)

STT	Mã phần (Lô)	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Lý do
1	PP250062 1922	G1. 08	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	100 mg+75 mg	Uống	Viên	Viên	32.000	925	4	Không có nhà thầu dự thầu
2	PP250062 1925	G1. 11	Aciclovir	800mg	Uống	Viên	Viên	30.000	950	4	Không có nhà thầu dự thầu
3	PP250062 1929	G1. 15	Alfuzosin hydroclorid	10mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	35.000	4.000	3	Không có nhà thầu dự thầu
4	PP250062 1930	G1. 16	Allopurinol	300mg	Uống	Viên	Viên	30.000	385	4	Không có nhà thầu dự thầu
5	PP250062 1934	G1. 20	Ambroxol hydroclorid	30mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Ống/Gói/Túi	50.000	1.180	4	Không có nhà thầu dự thầu
6	PP250062 1937	G1. 23	Amlodipin	5mg	Uống	Viên nang	Viên	700.000	133	3	Không có nhà thầu dự thầu
7	PP250062 1943	G1. 29	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg+125mg	Uống	Viên	Viên	100.000	4.200	3	Tất cả E-HSDT đều vượt giá gói thầu đã duyệt

8	PP250062 1947	G1. 33	Azithromycin	200 mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Ống/G ói/Túi	5.000	1.600	3	Không có nhà thầu dự thầu
9	PP250062 1951	G1. 37	Bacillus clausii	2x10 mũ 9 CFU	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Ống/G ói/Túi	90.000	2.200	4	Tất cả E- HSDT đều vượt giá gói thầu đã duyệt
10	PP250062 1955	G1. 41	Betahistin dihydroclorid	24mg	Uống	Viên	Viên	40.000	5.962	1	Không có nhà thầu dự thầu
11	PP250062 1959	G1. 45	Bisoprolol fumarat + hydroclorothiazid	2,5mg + 6,25mg	Uống	Viên	Viên	30.000	2.180	2	Không có nhà thầu dự thầu
12	PP250062 1970	G1. 56	Cefpodoxim	200mg	Uống	Viên	Viên	50.000	3.600	2	Không có nhà thầu dự thầu
13	PP250062 1972	G1. 58	Celecoxib	200mg	Uống	Viên nang	Viên	100.000	332	4	Không có nhà thầu dự thầu
14	PP250062 1975	G1. 61	Ciprofloxacin	200mg/10 0ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Hộp/C hai/Lọ /Túi	3.000	9.545	4	Không có nhà thầu dự thầu
15	PP250062 1976	G1. 62	Citicolin	500mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Hộp/C hai/Lọ /Túi/Ố ng	1.500	51.900	1	Không có nhà thầu dự thầu
16	PP250062 1977	G1. 63	Citicolin	500mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Hộp/C hai/Lọ /Túi/Ố ng	1.300	11.340	4	Tất cả E- HSDT đều vượt giá gói thầu đã duyệt
17	PP250062 1979	G1. 65	Clopidogrel	75mg	Uống	Viên	Viên	18.000	252	4	Không có nhà thầu dự thầu
18	PP250062 1980	G1. 66	Codein + terpin hydrat	15mg+10 0mg	Uống	Viên	viên	80.000	610	4	Tất cả E- HSDT đều vượt giá gói thầu đã duyệt

19	PP250062 1981	G1. 67	Colchicin	1mg	Uống	Viên	Viên	20.000	760	2	Không có nhà thầu dự thầu
20	PP250062 1994	G1. 80	Esomeprazol	20mg	Uống	Viên nang	Viên	100.000	245	4	Không có nhà thầu dự thầu
21	PP250062 2000	G1. 86	Flunarizin	5mg	Uống	Viên	Viên	5.000	1.200	3	Không có nhà thầu dự thầu
22	PP250062 2001	G1. 87	Fluorometholon	5mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Hộp/C hai/Lọ /Túi/Ố ng	1.000	22.000	4	Không có nhà thầu dự thầu
23	PP250062 2002	G1. 88	Fluvastatin	20mg	Uống	Viên nang	Viên	100.000	4.557	4	Không có nhà thầu dự thầu
24	PP250062 2006	G1. 92	Furosemid	20mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Hộp/C hai/Lọ /Túi/Ố ng	3.000	4.400	1	Không có nhà thầu dự thầu
25	PP250062 2007	G1. 93	Furosemid	40mg	Uống	Viên	Viên	10.000	2.800	1	Không có nhà thầu dự thầu
26	PP250062 2011	G1. 97	Gliclazid	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	450.000	275	3	Không có nhà thầu dự thầu
27	PP250062 2012	G1. 98	Gliclazid	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	450.000	566	3	Không có nhà thầu dự thầu
28	PP250062 2013	G1. 99	Glimepirid + metformin hydroclorid	1mg + 500mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	200.000	2.599	3	Tất cả E- HSDT đều vượt giá gói thầu đã duyệt
29	PP250062 2016	G1. 102	Glucose	20%; 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Hộp/C hai/Lọ /Túi	200	15.000	4	Không có nhà thầu dự thầu

30	PP250062 2025	G1. 111	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	1000IU/1 0ml; 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/C hai/Lọ /Ống	900	59.000	1	Không có nhà thầu dự thầu
31	PP250062 2026	G1. 112	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	1000IU/1 0ml; 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/C hai/Lọ /Ống	800	58.000	2	Tất cả E- HSDT đều vượt giá gói thầu đã duyệt
32	PP250062 2027	G1. 113	Insulin người trộn, hỗn hợp	1000IU/1 0ml (30/70); 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/C hai/Lọ /Ống	8.000	54.000	2	Tất cả E- HSDT đều vượt giá gói thầu đã duyệt
33	PP250062 2028	G1. 114	Insulin người trộn, hỗn hợp	1000IU/1 0ml (30/70); 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/C hai/Lọ /Ống	5.000	52.400	5	Tất cả E- HSDT đều vượt giá gói thầu đã duyệt
34	PP250062 2029	G1. 115	Insulin người trộn, hỗn hợp	300IU/3 ml(30/70)	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bút tiêm	4.000	110.000	1	Không có nhà thầu dự thầu
35	PP250062 2030	G1. 116	Insulin người trộn, hỗn hợp	300IU/3 ml(30/70)	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bút tiêm	4.000	102.000	5	Không có nhà thầu dự thầu
36	PP250062 2036	G1. 122	Kali clorid	500ng	Uống	Viên	Viên	60.000	1.785	1	Không có nhà thầu dự thầu
37	PP250062 2038	G1. 124	Ketorolac tromethamin	30mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Hộp/C hai/Lọ /Túi/Ố ng	100	35.000	1	Không có nhà thầu dự thầu
38	PP250062 2041	G1. 127	Lansoprazol	15mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	10.000	4.900	1	Không có nhà thầu dự thầu

39	PP250062 2050	G1. 136	Manitol	20% 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Hộp/C hai/Lọ /Túi	30	19.845	4	Không có nhà thầu dự thầu
40	PP250062 2055	G1. 141	Methyldopa	250mg	Uống	Viên	Viên	1.000.000	550	4	Tất cả E- HSDT đều vượt giá gói thầu đã duyệt
41	PP250062 2057	G1. 143	Metronidazol	500mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Hộp/C hai/Lọ /Túi/Ố ng	7.000	7.000	4	Không có nhà thầu dự thầu
42	PP250062 2063	G1. 149	Natri clorid	0,9%/500 ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Hộp/C hai/Lọ /Túi	1.600	6.575	4	Không có nhà thầu dự thầu
43	PP250062 2064	G1. 150	Natri clorid + kali clorid + natri citrat/ Natri citrat dihydrat + glucose khan	520mg+3 00mg+58 0mg+2,7 g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Ống/G ói/Túi	40.000	803	4	Không có nhà thầu dự thầu
44	PP250062 2066	G1. 152	Nefopam hydroclorid	20mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Hộp/C hai/Lọ /Túi/Ố ng	100	23.000	1	Tất cả E- HSDT đều vượt giá gói thầu đã duyệt
45	PP250062 2068	G1. 154	Neostigmin metylsulfat	0,5mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Hộp/C hai/Lọ /Túi/Ố ng	1.000	15.975	1	Không có nhà thầu dự thầu
46	PP250062 2069	G1. 155	Nhũ dịch lipid	10%, 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Hộp/C hai/Lọ /Túi	600	95.000	1	Tất cả E- HSDT đều vượt giá gói thầu đã duyệt

47	PP250062 2072	G1. 158	Octreotid	0,1mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Hộp/C hai/Lọ /Túi/Ố ng	200	92.379	1	Tất cả E- HSDT đều vượt giá gói thầu đã duyệt
48	PP250062 2077	G1. 163	Pantoprazol	40mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền/thuốc tiêm đông khô	Hộp/C hai/Lọ /Túi/Ố ng	4.000	5.800	4	Không có nhà thầu dự thầu
49	PP250062 2086	G1. 172	Perindopril tert- butylamin + Amlodipin	4mg + 10mg	Uống	Viên	Viên	20.000	4.700	3	Tất cả E- HSDT đều vượt giá gói thầu đã duyệt
50	PP250062 2088	G1. 174	Phloroglucinol + trimethyl phloroglucinol	40mg +0,04mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Hộp/C hai/Lọ /Túi/Ố ng	240	27.190	4	Tất cả E- HSDT đều vượt giá gói thầu đã duyệt
51	PP250062 2090	G1. 176	Progesteron	25mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Hộp/C hai/Lọ /Túi/Ố ng	2.500	20.150	1	Không có nhà thầu dự thầu
52	PP250062 2093	G1. 179	Ramipril	2,5mg	Uống	Viên nang	Viên	100.000	1.785	4	Không có nhà thầu dự thầu
53	PP250062 2095	G1. 181	Salbutamol	0,4mg/ml ; 30ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Hộp/C hai/lọ	500	15.000	4	Không có nhà thầu dự thầu
54	PP250062 2097	G1. 183	Sắt fumarat + acid folic	200mg +1,5mg	Uống	Viên nang	Viên	100.000	462	4	Tất cả E- HSDT đều vượt giá gói thầu đã duyệt
55	PP250062 2099	G1. 185	Silymarin	150mg	Uống	Viên	Viên	96.000	3.980	1	Tất cả E- HSDT đều

											vượt giá gói thầu đã duyệt
56	PP250062 2100	G1. 186	Simethicon	1000 mg	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Hộp/C hai/Lọ /Túi/Ố ng	300	21.000	4	Không có nhà thầu dự thầu
57	PP250062 2103	G1. 189	Spiramycin + metronidazol	750.000 IU + 125mg	Uống	Viên	Viên	60.000	1.125	4	Không có nhà thầu dự thầu
58	PP250062 2104	G1. 190	Spironolacton	25mg	Uống	Viên	Viên	70.000	330	4	Không có nhà thầu dự thầu
59	PP250062 2106	G1. 192	Sulfadiazin bạc	1% 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Ống/L ọ/Tuý p	120	18.900	4	Không có nhà thầu dự thầu
60	PP250062 2113	G1. 199	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Uống	Viên	Viên	120.000	2.800	3	Không có nhà thầu dự thầu
61	PP250062 2118	G1. 204	Tranexamic acid	500mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Hộp/C hai/Lọ /Túi/Ố ng	2.500	20.381	1	Tất cả E- HSDT đều vượt giá gói thầu đã duyệt
62	PP250062 2129	G1. 215	Vitamin A + D2 (Vitamin A + D3)	2000 UI+250I U	Uống	Viên nang	Viên	50.000	560	4	Không có nhà thầu dự thầu
63	PP250062 2132	G1. 218	Vitamin B1 + B6 + B12	125 mg + 125 mg + 125 mcg	Uống	Viên	Viên	200.000	226	4	Tất cả E- HSDT đều vượt giá gói thầu đã duyệt
Tổng: 63 phần (lô)											